

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/ 2021/DS - ST

Ngày: 10/ 9/ 2021

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Tiến.

Bà Trần Thị Thanh Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký TAND thị xã hoàng Mai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM, tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã HM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1966 (Có mặt).

Trú tại: Khối AQ, phường QP, thị xã HM, tỉnh NA.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q. Sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối TA, phường QP, thị xã HM, tỉnh NA.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn M. Sinh năm 1964 (Có mặt).

Trú tại: Khối AQ, phường QP, thị xã HM, tỉnh NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 05/7/2016 (Âm lịch) (tức ngày 07/8/2016 Dương lịch) bà có cho bà Nguyễn Thị Q vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Lúc vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 800đ/triệu/ngày nhưng không ghi trong giấy vay. Thời hạn vay theo thỏa thuận giữa hai bên là 03 tháng. Sau 03 tháng bà đã đến đòi

nhều lần nhưng bà Q không trả, nên bà đã tăng lãi suất từ 800đ/triệu/ngày lên 1.000đ/triệu/ngày.

Đến tháng 8/2019 bà Q có đến trả cho bà số tiền 20.000.000đ tiền lãi, từ đó đến nay bà Q không trả thêm cho bà một khoản tiền nào nữa. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000đ tiền lãi suất tính đến ngày 27/7/2021 là 33.870.000đ bà Q đã trả được 20.000.000đ tiền lãi suất nên còn phải trả tiền lãi suất còn lại là 13.870.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 33.870.000đ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Vào 05/7/2016 (Âm lịch) (Tức ngày 07/8/2016 Dương lịch) cháu của bà có nhờ bà đến vay bà H số tiền là 20.000.000đ với lãi suất thỏa thuận lúc đó là 700.000đ/tháng. Đến năm 2019 cháu của bà vỡ nợ bỏ đi làm ăn không có địa chỉ cụ thể sau đó bà H đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà trả số tiền 20.000.00đ mà bà đã vay. Đến tháng 8/2019 bà đã trả cho bà H số tiền 20.000.000đ, khi đó tính toán tiền lãi suất bà còn nợ bà H 6.000.000đ sau đó do điều kiện khó khăn nên bà đã xin bà H xóa nợ cho bà và được chồng bà H là ông Hoàng Văn M thống nhất xóa nợ cho bà.

Nay bà H yêu cầu bà trả nợ thì bà không thống nhất trả nợ và đề nghị xem xét để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn M trình bày:

Vào cuối tháng 8/2019 bà Nguyễn Thị Q có đến đưa cho ông số tiền là 20.000.000đ nói là trả tiền lãi cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Q, sau đó ông về đưa lại số tiền trên cho bà H, còn việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị H như thế nào thì ông không biết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466; 468 bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi suất là 6.773.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí theo quy định, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Q có nơi cư trú tại địa chỉ khối TA, phường QP, thị xã HM, tỉnh NA, vì vậy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã HM, tỉnh NA thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, hợp đồng không có thời hạn trả nợ nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi suất là 38.870.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy vay tiền ngày 05/7/2016 (AL) và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan. Nội dung chứng cứ thể hiện bà Nguyễn Thị Q có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 05/7/2016 (AL) (tức ngày 07/8/2016 Dương lịch). Vay không có thời hạn trả. Đến tháng 8/2019 bà Q đã trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bị đơn bà Nguyễn Thị Q xác định tại giấy vay nợ đó là đúng và bà đã trả hết số tiền nợ đó cho bà H hiện nay không còn nợ tiền bà H nữa, bà H xác định đó là trả nợ tiền lãi hiện nay bà yêu cầu bà Q trả cho bà số tiền gốc và số tiền lãi còn lại. Tòa án đã giao trách nhiệm cho bà H, bà Q cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nhưng đến nay vẫn không cung cấp cho Tòa án cung cấp được thêm tài liệu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ để giải quyết.

Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định bị đơn bà Q có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Vay có lãi suất bà H trình bày vay lãi suất 800đ/triệu/ngày sau đó tăng lãi suất lên 1.000đ/triệu/ngày, bà Q trình bày lãi suất là 700.000đ/tháng các bên cũng không có giấy tờ chứng minh về số tiền lãi đó nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng có lãi nhưng không xác định được lãi suất cụ thể nên cần áp dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất cho các bên. Hợp

đồng không xác định được thời hạn trả, việc bị đơn không trả số tiền gốc tiền lãi hàng hàng tháng là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 20.000.000đ và lãi suất 0,8%/tháng tính từ tháng 7/2016(AL) (tức ngày 07/8/2016 Dương lịch) cho đến nay. Tháng 8/2019 bà Q đã trả số tiền là 20.000.000đ được xác định trừ vào tiền lãi suất nếu còn thừa sẽ được tính và tiền gốc và tính tiền lãi suất theo số tiền gốc mới từ tháng 9/2019 cho đến tháng 7/2021: Cụ thể tiền lãi suất từ tháng 7/2016(AL) (tức ngày 07/8/2016 Dương lịch) đến tháng 8/2019 là 36 tháng $\times 0.8\% \times 20.000.000\text{đ} = 5.760.000\text{đ}$ bà Q trả 20.00.000đ số tiền còn lại 14.240.000đ sẽ được tính vào số tiền gốc do đó bà Q còn phải nợ bà H số tiền gốc còn lại là 5.760.000đ. Tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất đến tháng 7/2021 do đó tiền lãi suất từ tháng 9/2019 đến tháng 7/2021 là 22 tháng $\times 0.8\% \times 5.760.000\text{đ} = 1.013.000\text{đ}$ tiền lãi suất. Tổng cộng bà Q còn phải trả cho bà H số tiền gốc và lãi suất là 6.773.000đ

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM, tỉnh NA về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

[1] Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc và lãi suất là 6.773.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 338.000đ (Ba trăm ba mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.604.000đ đ (Một triệu sáu trăm linh tư ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận được trừ vào số tiền 770.000đ (Bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0006638 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HM, tỉnh NA. Bà H còn phải chịu thêm số 834.000đ (Tám trăm ba mươi tư ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSNDTX HM;
- VKSND tỉnh NA;
- TAND tỉnh NA;
- Dương sự;
- Chi cục THADSTX HM;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Huy